

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HS-ST.

Ngày: 11/5/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P. L. L.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà N. T. D.

2. Ông P. T. L.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Ông P.X.D – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T.A.C**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/7/2000, tại tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: T.T.H, SN: 1979 và bà: T.T.T.H, SN: 1977; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: 01 tiền án, cụ thể: TAND TX. N, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 29/2019/HSST ngày 17/7/2019. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/4/2020, chưa được xóa án tích. Nhân thân: Xấu, cụ thể:

+ Ngày 19/7/2016 bị Công an phường N.T, TX. N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản;

+ Ngày 03/8/2016 bị Công an huyện M, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản;

+ Ngày 27/6/2017 bị TAND TX. N, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 25/9/2017 bị TAND huyện A, tỉnh B xử phạt 05 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Được xóa án tích theo điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS.

Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 02/02/2021 cho đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

** Người bị hại:*

Chị N. T. T; sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh B. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T.A.C là đối tượng mới chấp hành xong hình phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, khi trở về địa phương ở thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh B không có nghề nghiệp ổn định nên đã tiếp tục tìm nơi sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 25/01/2021 T.A.C đi ngang qua nhà chị N.T.T (Sinh năm 1971) ở cùng địa phương, thấy nhà đang được xây dựng sửa chữa, cửa sổ bên hông nhà còn trống chưa có cánh cửa nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà để tìm lấy trộm tài sản. T.A.C trèo qua cửa sổ vào bên trong nhà lục tìm và lấy được 01 điện thoại di động hiệu Starlight-M06 vỏ màu đen ở nhà bếp và 01 điện thoại di động hiệu FPT vỏ màu đỏ đen gần tủ thờ. Thấy chìa khóa tủ thờ để trên luồng T.A.C sử dụng mở cửa tủ thờ và lấy được số tiền 3.500.000^d trong xấp phong bì đựng tiền phúng điếu đám tang mẹ chồng của chị N.T.T. Sau đó thấy xe mô tô hiệu DEAHAN biển số kiểm soát 81F7 - 5239 của gia đình chị N.T.T để trong nhà còn gắn chìa khóa nên T.A.C đã dắt xe ra ngoài nổ máy và điều khiển xe chạy đến phường E.M, thị xã N, tỉnh B nhưng do sợ bị phát hiện T.A.C đã bỏ xe lại gần công viên phường E.M rồi bỏ đi. Số tiền lấy trộm được, T.A.C tiêu xài cá nhân hết, còn 02 điện thoại T.A.C để ở nhà sau khi bị phát hiện đã giao nộp cho cơ quan Công an huyện A.

Tại kết luận ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A đã xác định:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Starlight-M06 trị giá 80.000^d.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT trị giá 100.000^d.
- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 81F7 - 5239 trị giá 1.800.000^d.

Tổng giá trị tài sản T.A.C đã chiếm đoạt là 5.480.000^d bao gồm: Tiền mặt 3.500.000^d; tài sản đã định giá là 1.980.000^d.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã tạm giữ và quyết định trả lại cho người bị hại N.T.T các tài sản: 02 điện thoại di động hiệu FPT và hiệu Starlight-M06 và 01 xe mô tô hiệu DEAHAN, biển số kiểm soát 81F7 - 5239.

Về dân sự: Gia đình của T.A.C đã bồi thường cho chị N.T.T số tiền 3.500.000^d.

Người bị hại sau khi nhận lại tài sản và được bồi thường đã có đơn không yêu cầu về dân sự đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho T.A.C.

Tại bản cáo trạng số:14/CT-VKS, ngày31/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo T.A.C về tội “Trộm cắp tài sản”theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T.A.C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173,điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51,Điều 38 của BLHS để xử phạt bị cáo T.A.C với mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam: 02/02/2021.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo T.A.C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại,

người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận: T.A.C là một thanh niên đã trưởng thành nhưng lại có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xử phạt hành chính và bị Tòa án xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15/4/2020 sau khi chấp hành xong hình phạt tù, T.A.C trở về địa phương sinh sống nhưng do không có nghề nghiệp ổn định cũng không chịu khó lao động làm ăn lương thiện, T.A.C đã tiếp tục tìm nơi sơ hở để trộm cắp tài sản. Lợi dụng đêm khuya, T.A.C đã lén lút đột nhập vào nhà chị N.T.T ở thôn Đ, xã H, huyện A để lấy trộm được tiền và 01 số tài sản là 02 điện thoại di động và 01 chiếc xe mô tô vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 25/01/2021. Tổng giá trị tài sản mà T.A.C đã chiếm đoạt được là 5.480.000^d.

Ngoài ra, T.A.C còn bị Cơ quan CSĐT Công An thị xã N khởi tố về 01 vụ án trộm cắp tài sản khác và đang được điều tra xử lý riêng.

Hành vi của T.A.C là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, thể hiện ý thức xem thường pháp luật nhà nước do đó cần phải xử lý nghiêm khắc hơn để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo T.A.C về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: T.A.C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS nên cần phải xử lý nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nữa để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo T.A.C phạm tội với tình tiết tăng nặng TNHS tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội. Mặt khác, bị cáo đã trả lại tài sản, tác động gia đình bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được bồi thường và nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Không.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo T.A.C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Áp dụng: Điểm khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T.A.C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 02/02/2021.

[3]. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo T.A.C phải chịu 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điểm 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L

